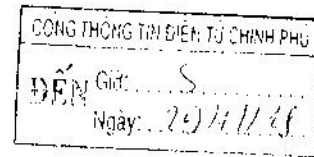


Số: **2190 /QĐ-BTC**

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

Đính chính Thông tư số 93/2018/TT-BTC

sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 19/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/04/2004 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 93/2018/TT-BTC ngày 05/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 19/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam như sau:

1. Tại các Phụ lục I, II, III, IV, V ban hành kèm theo Thông tư số 93/2018/TT-BTC đã in:

“Căn cứ quy định tại Thông tư số /2018/TT-BTC ngày / /2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 19/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính”.

Nay sửa thành:

“Căn cứ quy định tại Thông tư số 93/2018/TT-BTC ngày 05/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 19/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính”.

2. Tại các Phụ lục II, III, IV, V ban hành kèm theo Thông tư số 93/2018/TT-BTC đã in:

“(Ban hành kèm theo Thông tư số 93/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)”.

Nay sửa thành:

“(Ban hành kèm theo Thông tư số 93/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)”.

3. Tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 93/2018/TT-BTC đã in:

a) “Số:...../QĐ-HQ...”.

Nay sửa thành:

“Số:..../TNK-NG”.

b) “Quyết định V/v Tạm nhập khẩu xe ô tô/xe gắn máy”.

Nay sửa thành:

“GIẤY TẠM NHẬP KHẨU XE Ô TÔ/XE GẮN MÁY”.

c) “Quyết định tạm nhập này có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký”

Nay sửa thành:

“Giấy tạm nhập này có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký”.

d) “Lưu VT, (1), (2)”

Nay sửa thành:

“Lưu VT,...(1),...(2).”.

đ) “Ghi chú:

- (1) Tên phòng ban soạn thảo quyết định

- (2) Số lượng bản phát hành”.

Nay sửa thành:

“Ghi chú:

- (1) Chữ viết tắt của đơn vị soạn thảo văn bản và số lượng bản lưu.

- (2) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

4. Tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 93/2018/TT-BTC đã in:

“...đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố...cấp giấy tạm chuyển nhượng...xe ô tô chi tiết như sau:”

Nay sửa thành:

“...đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố...cấp giấy chuyển nhượng...xe ô tô chi tiết như sau:”

5. Tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 93/2018/TT-BTC đã in:

a) “Số:...../QĐ-HQ...”.

Nay sửa thành:

“Số:...../CN-NG”.

b) “Quyết định V/v Chuyển nhượng xe ô tô”.

Nay sửa thành:

“GIẤY CHUYỂN NHƯỢNG XE Ô TÔ”.

c) “Quyết định chuyển nhượng này có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký”

Nay sửa thành:

“Giấy chuyển nhượng này có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký”.

d) “Lưu VT, (1), (2).”

Nay sửa thành:

“Lưu VT,...(1),...(2).”.

đ) “Ghi chú:

- (1) Tên phòng ban soạn thảo quyết định

- (2) Số lượng bản phát hành”.

Nay sửa thành:

“Ghi chú:

- (1) Chữ viết tắt của đơn vị soạn thảo văn bản và số lượng bản lưu.

- (2) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

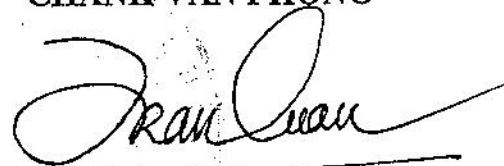
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/11/2018 và là một phần không tách rời của Thông tư số 93/2018/TT-BTC ngày 05/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 19/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *W*

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, liên tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT; VP (200b).

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Quân